

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CHO PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH

Bài 16

KHUNG PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH ĐỊNH TÍNH

Nội dung trình bày

- Phân biệt định tính và định lượng
- Những việc cần làm trước khi thiết kế phân tích chính sách định tính
- Công cụ trong phân tích định tính
- Dữ liệu trong phân tích định tính

Phân biệt định tính và định lượng

Cách tiếp cận	Sự khác biệt	Nhận xét
Cấp độ đo lường	Định lượng: cao Định tính: thấp	Cấp độ đo lường thấp hơn đòi hỏi ít giả định hơn về mối quan hệ logic; cấp độ cao đem lại sự khác biệt rõ nét giữa các trường hợp, với điều kiện các giả định được thỏa mãn.
Kích thước mẫu (N)	Định lượng: cao Định tính: thấp	Kích thước mẫu ảnh hưởng tới độ tin cậy của phân tích (xem thêm hai điểm sau).
Kiểm định thống kê	Định lượng: có Định tính: không	Các kiểm định thống kê sử dụng các tiêu chuẩn rõ ràng để đánh giá mối quan hệ nhân quả - điểm mạnh nổi bật của cách tiếp cận định lượng. Tuy nhiên, điều này phụ thuộc vào tính hợp lệ của các giả định .
Mức độ chi tiết	Định lượng: ít Định tính: nhiều	Kiến thức chi tiết là cơ sở chính để đánh giá mối quan hệ nhân quả - điểm mạnh nổi bật của cách tiếp cận định tính.

Trước khi thiết kế nghiên cứu

- **Bối cảnh chính sách**
- **Vấn đề chính sách:** “Puzzles”?
- **Câu hỏi chính sách:** **Minh định** câu hỏi nghiên cứu
 - Định nghĩa các **khái niệm** then chốt
 - Khung **thời gian** nghiên cứu
 - **Không gian** địa lý tiến hành nghiên cứu
 - Mức độ **chi tiết** hay **khái quát** của nghiên cứu
 - Xác định **đơn vị** phân tích (unit of analysis)
 - [**Không** muốn trả lời câu hỏi nào?]

Trước khi thiết kế nghiên cứu

- **Xác định các biến quan trọng**
 - Biến phụ thuộc (Y)
 - Biến độc lập (X)
 - Biến can thiệp hay biến trung gian (Z)
- **Lưu ý về các biến**
 - Phải có dao động (variations)
 - Đo lường và sai số đo lường

Trước khi thiết kế nghiên cứu

- Giả thuyết về cơ chế/quan hệ nhân quả: $X \rightarrow Z \rightarrow Y$
- Giả thuyết về cơ chế/quan hệ nhân quả thay thế
- Nguồn hình thành các giả thuyết:
 - Từ nghiên cứu của chính mình
 - Từ trực giác của bản thân
 - Từ các nhà nghiên cứu khác
 - Từ các nhà hoạch định chính sách
 - Từ những người làm công tác thực tiễn
 - Từ những đối tượng phỏng vấn quan trọng
 - Từ những người ủng hộ/phản đối chính sách ...

Công cụ trong nghiên cứu định tính

■ Công cụ phân tích định tính

- Phân tích tình huống (within-case analysis)
- “Lần theo dấu vết” (process tracing) và “quan sát nhân quả-quá trình” (causal-process observations)
- Đánh giá tính hợp lệ (validity assessment)
- So sánh các tình huống tương tự và tương phản (comparison of matching and contrasting cases)

Phân tích tình huống

- Cung cấp kiến thức **sâu sắc** và **chi tiết** về bối cảnh và vấn đề nghiên cứu (các bên liên quan, lợi ích của mỗi bên, "luật chơi" và các tương tác giữa các bên, quy trình ra quyết định v.v.), nhờ đó bộc lộ những điều ẩn sau giả định "những thứ khác là như nhau", do vậy đóng vai trò quyết định đối với tính hợp lệ của quan hệ nhân quả.
- Những kiến thức như vậy là vô giá trong cả nghiên cứu định lượng và định tính, nhưng thường thì các nghiên cứu định lượng không thể quan sát hay đo lường được tất cả các chi tiết này.

Phân tích tình huống

Một số loại hình cơ bản

- Mô tả sv. giải thích
- Xây dựng sv. kiểm định lý thuyết
- Một sv. nhiều tình huống
- Song song sv. trước sau
- Quá khứ sv. lương lai
- Thực chứng sv. chuẩn tắc

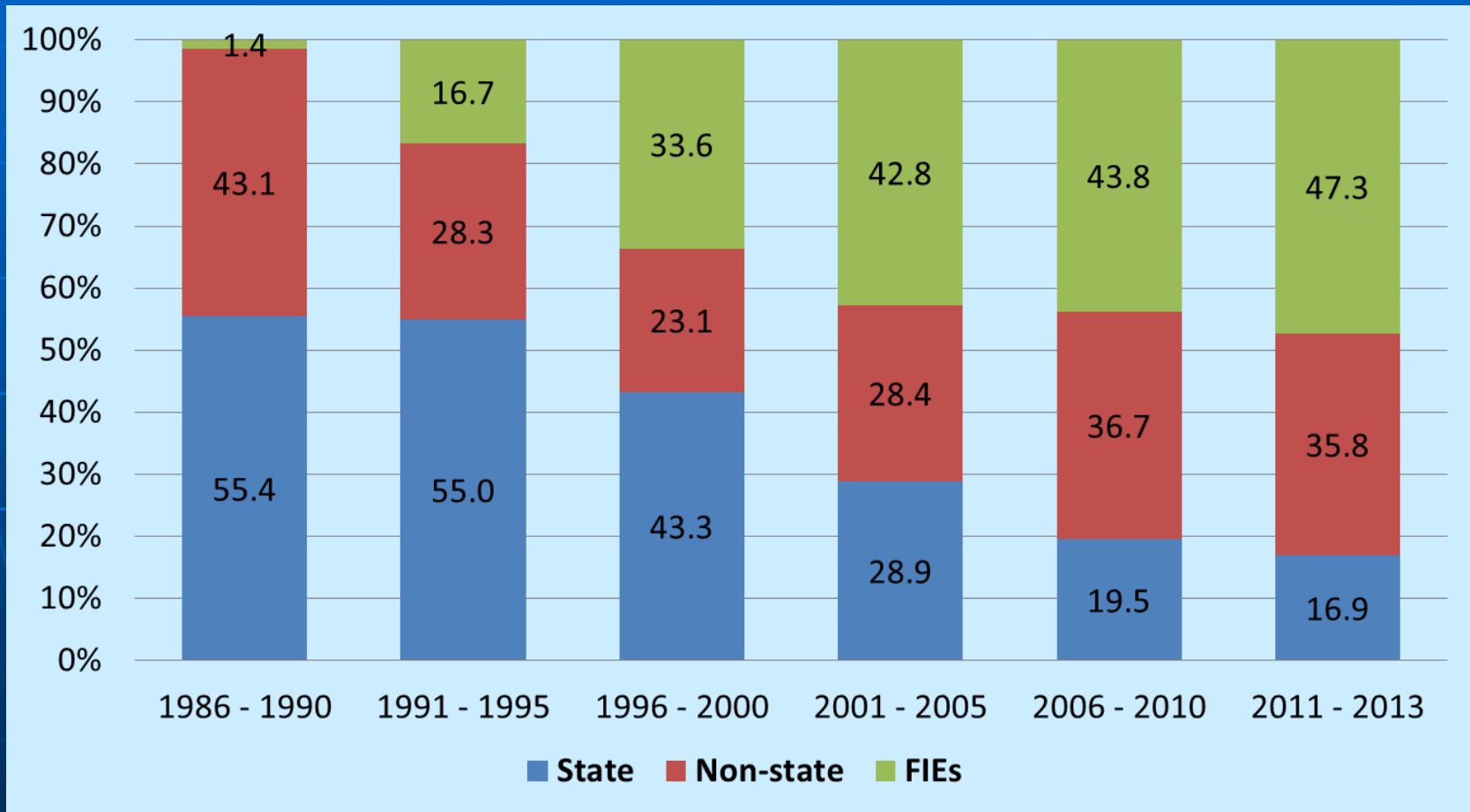
Lần theo dấu vết và quan sát nhân quả-quá trình

- **Lần theo dấu vết** là quá trình kiểm tra các **mẫu bằng chứng** có tính chẩn đoán, thường được đánh giá theo một trình tự thời gian cụ thể, nhằm ủng hộ hay phủ định các giả thuyết.
- Các mẫu bằng chứng này được gọi là "**quan sát nhân quả-quá trình**" - là thông tin về bối cảnh, quá trình, hoặc cơ chế góp phần dẫn tới suy luận nhân quả.
- **Mục đích** của việc "lần theo dấu vết" là **lựa chọn** các "quan sát nhân quả-quá trình" cụ thể, đánh giá đóng góp của chúng cho việc ủng hộ hay phủ định một giả thuyết.

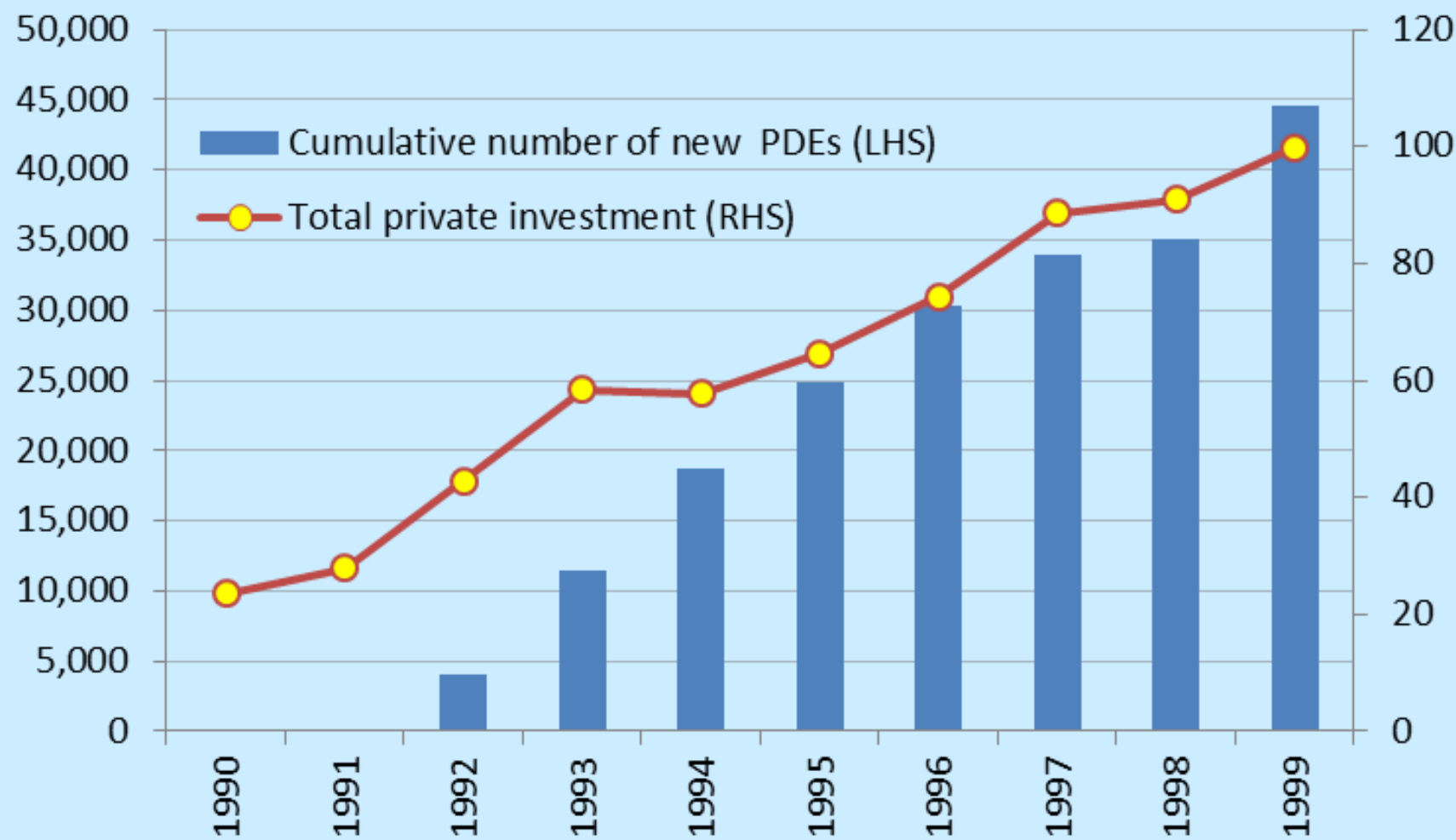
Ví dụ về lần theo dấu vết và quan sát nhân quả-quá trình

- **Câu hỏi:** Quan hệ giữa nhà nước và khu vực tư nhân đóng vai trò như thế nào đối với phát triển công nghiệp của Việt Nam?
- “Lần theo dấu vết”
 - Trước 1986: DNTN là đối tượng cải tạo công thương nghiệp
 - Từ 1986 trở đi: DNTN là một “khu vực kinh tế”
 - 1990: Luật DNTN và Luật Công ty
 - 1992: Hiến pháp chấp nhận kinh tế thị trường và KVTN
 - 1997-1998: Khủng hoảng tài chính khu vực
 - 1999: Luật doanh nghiệp (Ban chỉ đạo, PMRC và CIEM, Tổ thi hành ...)
 - 2001: VN-US BTA
 - 1997 – 2006: DNTN là một bên của “đổi thoại chính sách”
 - 2016: DNTN trở thành một động lực quan trọng

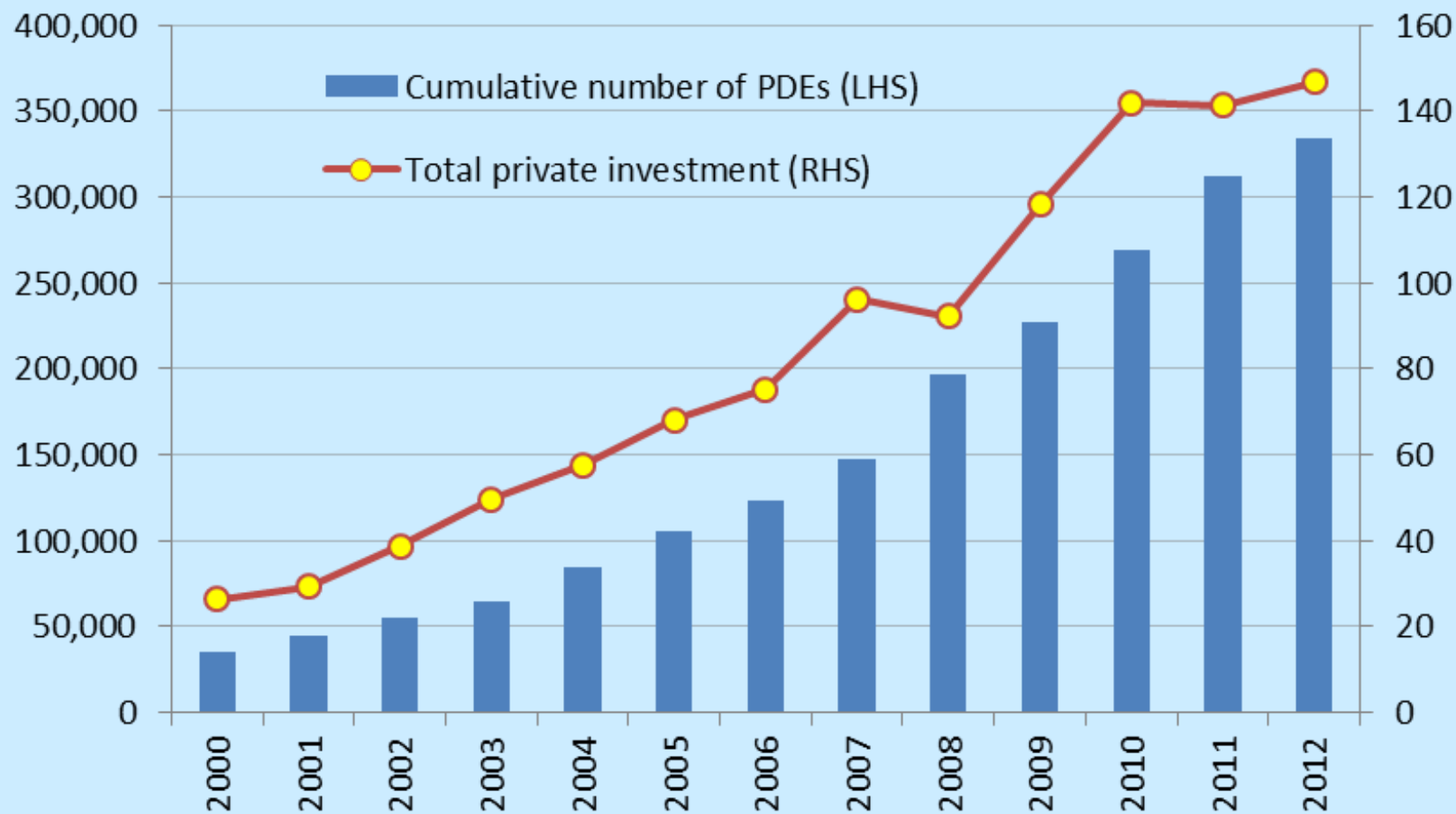
Đóng góp của các thành phần kinh tế trong GTSX công nghiệp



Sự phát triển của DNTN (1990-99)



Sự phát triển của DNTN (2000-12)



So sánh các tình huống tương tự và tương phản

- Cấp độ phân tích (quốc gia, địa phương, tổ chức, cá nhân ...)
- Đơn vị phân tích
- Hai phương diện so sánh
 - Theo thời gian
 - Theo không gian
- Chọn các tình huống để so sánh thế nào?
- Một số lưu ý khi so sánh
 - Đo lường
 - “Các yếu tố khác như nhau”

Dữ liệu trong nghiên cứu định tính

- Phương pháp thu thập dữ liệu
 - Điều tra, khảo sát (surveys)
 - Phỏng vấn (interviews)
 - Nghiên cứu công luận (public opinion research)
 - Thảo luận nhóm tập trung (focus group discussion)
 - Đánh giá sự kiện (event scoring)
 - Nghiên cứu tài liệu lưu trữ (archival research)
 - Phân tích nội dung (content analysis)
 - Thu thập các nguồn dữ liệu thứ cấp (secondary sources)
 - ...